

### Analysis by Havard Industries

## Vulcan HempWorks

1120 Highland Way Kimberly, AL 35091 vulcanhempworks@gmail.com

Lic. #216285-BUS

## Energy

Concentrates & Extracts, Distillate Harvest Process Lot: ; METRC Batch: ; METRC Sample:

	1	Safety	
VULLAN		Not Tested	Not Tested
		Pesticides	Microbials

**Certificate of Analysis** 

Cannabinoids Cannabinoid potency by HPLC-UV, CANSOP001 Date Tested: 03/16/2022

Analyte   LOQ   Mass   Mass     πHCa   0.00   ND   ND     Δ9-THC   0.00   ND   ND     Δ9-THC   0.00   ND   ND     Δ8-THC   0.00   86.43   864.3     THCV   0.00   ND   ND     CBDa   0.00   ND   ND     CBD   0.00   ND   ND     CBD   0.00   ND   ND     CBD   0.00   ND   ND     CBN   0.00   ND   ND     CBN   0.00   ND   ND     CBA   0.00   ND   ND     CBN   0.00   ND   ND     CBA   0.00   ND   ND     CBG   0.00   ND   ND     CBC   0.00   ND   ND     CBC   0.00   ND   ND     CBC   0.00   0.10   1.0     A9-THC Acetate   0.00   ND	<b>ND</b> Total THC	<b>ND</b> Total CBD		<b>86.60%</b> Total Cannabinoids	NT Moisture	NT Water Activity
%   %   mg/g     THCa   0.00   ND   ND     Δ9-THC   0.00   ND   ND     Δ8-THC   0.00   ND   ND     Δ8-THC   0.00   ND   ND     CBDa   0.00   ND   ND     CBD   0.00   ND   ND     CBD   0.00   ND   ND     CBD   0.00   ND   ND     CBD   0.00   ND   ND     CBN   0.00   ND   ND     CBN   0.00   ND   ND     CBN   0.00   ND   ND     CBN   0.00   0.02   0.2     CBG   0.00   ND   ND     CBC   0.00   ND   ND     CBC   0.00   ND   ND     CBC   0.00   0.10   1.0     CBR,SPS)-d10-THC   0.00   0.01   1.0     CBR,SPS,-d10-THC   0.00   ND <td< th=""><th></th><th></th><th></th><th></th><th></th><th></th></td<>						
% % mg/g (6aR,9R)-d10-THC   Δ9-THC 0.00 ND ND   Δ8-THC 0.00 86.43 864.3   THCV 0.00 ND ND   CBDa 0.00 ND ND   CBD 0.00 ND ND   CBA 0.00 0.05 0.5   CBGa 0.00 ND ND   CBC 0.00 ND ND   C6aR,9S)-d10-THC 0.00 0.10 0.1   (6aR,9S)-d10-THC 0.00 ND ND   Δ9-THC Acetate 0.00 ND ND   Δ8-THC Acetate 0.00 ND <	nalyte			Mass	CBN CBGa	A8-THC
ITICa   0.00   ND   ND     A9-THC   0.00   ND   ND     A8-THC   0.00   ND   ND     THCV   0.00   ND   ND     CBDa   0.00   ND   ND     CBD   0.00   ND   ND     CBD   0.00   ND   ND     CBD   0.00   ND   ND     CBD   0.00   ND   ND     CBN   0.00   0.05   0.5     CBGa   0.00   ND   ND     CBC   0.00   ND   ND     (6aR,9S)-d10-THC   0.00   0.10   1.0     A9-THC Acetate   0.00   ND   ND     A8-THC Acetate   0.00   ND   ND		%	%	mg/g		
Δ8-THC   0.00   86.43   864.3     THCV   0.00   ND   ND     CBDa   0.00   ND   ND     CBD   0.00   ND   ND     CBD   0.00   ND   ND     CBDV   0.00   ND   ND     CBN   0.00   0.05   0.5     CBGa   0.00   ND   ND     CBC   0.00   ND   ND     CBC   0.00   ND   ND     (6aR,9S)-d10-THC   0.00   0.10   1.0     A9-THC Acetate   0.00   ND   ND     A8-THC Acetate   0.00   ND   ND	łCa	0.00	ND	ND	(0ak,9k)-010-THC	0ak,93)-010-1HC
THCV 0.00 ND ND   CBDa 0.00 ND ND   CBD 0.00 ND ND   CBDV 0.00 ND ND   CBN 0.00 0.05 0.5   CBGa 0.00 0.02 0.2   CBG 0.00 ND ND   CBC 0.00 ND ND   CBC 0.00 ND ND   CBC 0.00 0.01 0.1   (6aR,9S)-d10-THC 0.00 0.10 1.0   Δ9-THC Acetate 0.00 ND ND   Δ8-THC Acetate 0.00 ND ND	-THC	0.00	ND	ND		
CBDa   0.00   ND   ND     CBD   0.00   ND   ND     CBDV   0.00   ND   ND     CBN   0.00   0.05   0.5     CBGa   0.00   0.02   0.2     CBG   0.00   ND   ND     CBC   0.00   ND   ND     CBC   0.00   ND   ND     (6aR,9S)-d10-THC   0.00   0.11   0.1     (6aR,9R)-d10-THC   0.00   ND   ND     A9-THC Acetate   0.00   ND   ND     A8-THC Acetate   0.00   ND   ND	3-THC	0.00	86.43	864.3	3. / V	
CBD   0.00   ND   ND     CBDV   0.00   ND   ND     CBN   0.00   0.05   0.5     CBGa   0.00   0.02   0.2     CBG   0.00   ND   ND     CBC   0.00   ND   ND     CBC   0.00   ND   ND     (6aR,9S)-d10-THC   0.00   0.01   0.1     (6aR,9R)-d10-THC   0.00   ND   ND     A9-THC Acetate   0.00   ND   ND     A8-THC Acetate   0.00   ND   ND	łCV	0.00	ND	ND		
CBDV   0.00   ND   ND     CBN   0.00   0.05   0.5     CBGa   0.00   0.02   0.2     CBG   0.00   ND   ND     CBC   0.00   ND   ND     CBC   0.00   ND   ND     (6aR,9S)-d10-THC   0.00   0.11   0.1     (6aR,9R)-d10-THC   0.00   ND   ND     A9-THC Acetate   0.00   ND   ND     A8-THC Acetate   0.00   ND   ND	3Da	0.00	ND	ND		
CBN   0.00   0.05   0.5     CBGa   0.00   0.02   0.2     CBG   0.00   ND   ND     CBC   0.00   ND   ND     (6aR,9S)-d10-THC   0.00   0.01   0.1     (6aR,9R)-d10-THC   0.00   0.10   1.0     A9-THC Accetate   0.00   ND   ND     A8-THC Accetate   0.00   ND   ND	3D	0.00	ND	ND		
CBN   0.00   0.05   0.5     CBGa   0.00   0.02   0.2     CBG   0.00   ND   ND     CBC   0.00   ND   ND     (6aR,9S)-d10-THC   0.00   0.01   0.1     (6aR,9R)-d10-THC   0.00   0.10   1.0     A9-THC Acetate   0.00   ND   ND     A8-THC Acetate   0.00   ND   ND	3DV	0.00	ND	ND		
CBGa   0.00   0.02   0.2     CBG   0.00   ND   ND     CBC   0.00   ND   ND     (6aR,9S)-d10-THC   0.00   0.01   0.1     (6aR,9R)-d10-THC   0.00   0.10   1.0     A9-THC Acetate   0.00   ND   ND     A8-THC Acetate   0.00   ND   ND	3N	0.00	0.05	0.5		
CBG   0.00   ND   ND     CBC   0.00   ND   ND     (6aR,9S)-d10-THC   0.00   0.01   0.1     (6aR,9R)-d10-THC   0.00   0.10   1.0     Δ9-THC Acetate   0.00   ND   ND     Δ8-THC Acetate   0.00   ND   ND		0.00	0.02			
CBC   0.00   ND   ND     (6aR,9S)-d10-THC   0.00   0.01   0.1     (6aR,9R)-d10-THC   0.00   0.10   1.0     Δ9-THC Acetate   0.00   ND   ND     Δ8-THC Acetate   0.00   ND   ND		0.00				
(6aR,9S)-d10-THC   0.00   0.01   0.1     (6aR,9R)-d10-THC   0.00   0.10   1.0     Δ9-THC Acetate   0.00   ND   ND     Δ8-THC Acetate   0.00   ND   ND						
(6aR,9R)-d10-THC   0.00   0.10   1.0     Δ9-THC Acetate   0.00   ND   ND     Δ8-THC Acetate   0.00   ND   ND						
Δ9-THC Acetate   0.00   ND   ND     Δ8-THC Acetate   0.00   ND   ND						
Δ8-THC Acetate 0.00 ND ND						
Total 86.60 866.0		0.00	86.60	866.0		

Not Tested

Solvents

Test results only relate to the sample as received. Cannabinoids are corrected to dry weight where applicable. Foreign Matter by CANSOP013. Samples fail for foreign matter if the sample exceeds 2% w/w of organic foreign materials or any presence of inorganic materials.

#### Foreign Matter date tested:

Total THC = THCa \* 0.877 + Δ9-THC. Total CBD = CBDa \* 0.877 + CBD. LOQ = Limit of Quantitation. Not currently accredited for CBDV, CBG, Delta-10, and THC-acetate. These will be added onto our next accreditation cycle and are for information purposes only.

Havard Industries 6300 Boucher Dr. Edmond, OK (405) 888-0961 Fot

Jeffery Havard

Lab Manager, Havard Industries

Confident Cannabis All Rights Reserved support@confidentcannabis.com (866) 506-5866 www.confidentcannabis.com



Lic# LAAA-8SPC-5FH4

This report must be reproduced in full except upon approval by the lab. NT - Not tested, NR - Not Run.

ala 0000ECT044E 4004

# Sample: 2203EST0445.1834

Not Tested

Metals

Strain: Energy Batch#: ; Batch Size: g Sample Received: 03/08/2022 Report Created: 03/18/2022 Expires: 03/17/2023

Powered by Confident Cannabis



Not Tested

**Mycotoxins** 

Not Tested

**Foreign Matter** 

1 of 1